TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Kim T** sinh năm 1994; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có đơn vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh N** – Luật sư của Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (có đơn vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Bùi Văn H** sinh năm 1987; trú tại: Số 39, thôn K, xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn H kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại số 39, thôn K, xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Từ sau khi kết hôn đến nay, hai vợ chồng bà xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hoà, cãi vã thường xuyên. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều, cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Mặc dù, bà đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng có thể hàn gắn lại tình cảm, tìm lại tiếng nói chung với nhau nhưng đều không được, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng bà đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2022 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ mang lại mệt mỏi cho cả hai và ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của con cái, vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Bùi Văn Bảo N sinh ngày 06/8/2008 và Bùi Văn Bảo M sinh ngày 28/02/2011. Hiện nay 02 con chung đang sống với ông H. Khi ly hôn bà yêu cầu giao ông H trực tiếp nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.500.000 đồng/tháng (02 con chung 5.000.000 đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có quyết định của Toà án cho đến ngày các con chung thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Bùi Văn H tại Bản tự khai ngày 16/5/2023:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thị Kim T.

- Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Bùi Văn Bảo N sinh ngày 06/8/2008 và Bùi Văn Bảo M sinh ngày 28/02/2011 cho đến ngày các con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do bà T có đơn vắng mặt, ông H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H; giao hai con chung tên N và Minh cho ông H nuôi dưỡng; bà T xin cấp dưỡng nuôi hai con chung 5.000.000 đồng/tháng/hai cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà T với ông H ly hôn; giao 02 con chung tên N và M cho ông H nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên; bà T cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng/con chung (02 con chung 5.000.000 đồng/tháng); tài sản chung và nợ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà T với bị đơn ông H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn vắng mặt; bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T với ông H kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông, bà kết hôn tự

nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng ông, bà chung sống tại số 39, thôn K, xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Từ sau khi kết hôn đến nay, hai vợ chồng ông, bà xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hoà, cãi vã thường xuyên. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều, cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Mặc dù, vợ chồng ông, bà đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng có thể hàn gắn lại tình cảm, tìm lại tiếng nói chung với nhau nhưng đều không được, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2022 đến nay. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn H. Ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T với ông H đã trầm trọng, kéo dài, Bà T với ông H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2022 đến nay, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được và ông H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T nên chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông H.

- *Về con chung:* Bà T với ông H có 02 con chung tên Bùi Văn Bảo N sinh ngày 06/8/2008 và Bùi Văn Bảo M sinh ngày 28/02/2011. Hiện nay 02 con chung đang sống với ông H. Khi ly hôn bà T yêu cầu giao 02 con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn ông H yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên. Xét thấy, từ khi bà T và ông H không chung sống với nhau thì 02 con chung ở với ông H, do đó để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần nên giao cháu N và cháu M cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến ngày các con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi các con chung. Bà T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng/con chung (02 con chung 5.000.000 đồng/tháng) nên cần chấp nhận sự tự nguyện của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của phát luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Kim T, xử cho bà Đỗ Thị Kim T với ông Bui Văn H ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Văn Bảo N sinh ngày 06/8/2008 và Bùi Văn Bảo M sinh ngày 28/02/2011 cho ông Bùi Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến các ngày con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Bà Đỗ Thị Kim T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng/con chung (02 con chung 5.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày các con chung thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình về việc khởi kiện ly hôn. Bà Đỗ Thị Kim T đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013247 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Buộc bà Đỗ Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương (Số 20, quyển số 01/2004);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phượng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hạnh – Nguyễn Minh Khang **Lê Thị Phượng Diễm**